

ĐA DẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC RỪNG PHÒNG HỘ TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Thị Ngọc Linh, Trần Hà Diễm My, Đỗ Thị Cẩm Hoàng, Nguyễn Hoàng Thơ
Đại học Đồng Nai

TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu nguồn tài nguyên cây thuốc rừng phòng hộ Tân Phú, tỉnh Đồng Nai bước đầu đã xác định được 4 ngành thực vật với 368 loài, 262 chi và 89 họ có khả năng làm thuốc. Trong đó, ngành Thực vật hạt kín (Magnoliophyta) chiếm ưu thế với 310 loài, 213 chi, 70 họ; Họ có số lượng loài nhiều nhất là họ Đậu (Fabaceae) có 31 loài và chi có số lượng loài nhiều nhất là chi Sung (Ficus) với 10 loài. Thực vật được sử dụng làm thuốc tại rừng phòng hộ Tân Phú thì cây gỗ nhỏ chiếm tỷ lệ cao nhất với 101 loài, cây bụi với 73 loài và thấp nhất là cây phụ sinh với 14 loài. Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy có rất nhiều bộ phận cây được sử dụng làm thuốc, bộ phận sử dụng nhiều nhất là lá với 156 loài, thân với vỏ thân cùng với rễ và vỏ rễ đều có 153 loài, toàn cây 88 loài, các bộ phận còn lại (hoa, quả-hạt, tinh dầu, nhựa...) có số lượng ít lần lượt là 23 loài, 78 loài và 53 loài. Có 19 nhóm cây thuốc có thể chữa các bệnh khác nhau, trong đó nhóm cây thuốc chữa bệnh về mụn nhọt, mẩn ngứa, sưng viêm có số lượng loài nhiều nhất là 156 loài; chữa bệnh về khớp, đau nhức là 106 loài; chữa bệnh ở bộ máy tiêu hóa có 104 loài; chữa bệnh về mắt, mũi, họng là 98 loài; chữa bệnh về gan, thông tiểu là 95 loài; chữa bệnh phụ nữ là 91 loài; nhóm có số lượng loài thấp nhất chữa bệnh đái đường là 7 loài. Tại rừng phòng hộ Tân Phú chúng tôi nhận thấy có 4 loài cây thuốc ở dạng quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng được ghi trong sách đỏ Việt Nam 2007 và 7 loài được Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên Quốc tế năm 2017 xếp trong tình trạng cực kỳ nguy cấp (VU) đến hiếm hạp thấp (LR).

Từ khóa: Cây thuốc, đa dạng, rừng phòng hộ Tân Phú

Investigating diversity of medicinal plants at Tan Phu protection forest, Dong Nai province

In this paper, medicinal plants at Tan Phu protection forest, Dong Nai province were investigated, collected, identified and listed with 368 species, 262 genera, 89 families of 4 divisions of the higher plants. Of those, species of the Magnoliophyta are dominant with 310 species, 213 genera, 70 families.; Fabaceae is the richest family with 31 species and the most rich genus by Ficus with 10 species. Their life-forms are diverse including small trees with 101 species, shrubs 73 species, big trees 51 species, lianas 41 species and epiphyte plant 16 species. People use parts of medicinal plant differently as leaves are used most with 156 species, then trunk-bark with 153 species and root and root bark 153 species too, trees with 88 species and flowers are used least with 23 species. After the inventory, 19 groups of diseases were cured by medicinal plants, of which 7 groups used with the largest number of species: skin, fever, dysentery and diarrhea, osteoarthritis, digestion, liver, female and illness diseases, diabetes are used with the least number of species. Tan Phu protection forest has 4 threatened medicinal plant species listed in the Red book of Viet Nam (2007), 7 medicinal plant species in the IUCN (2011).

Key words: Diversity, protection forest, plants, Tan Phu.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Rừng phòng hộ Tân Phú là một trong những rừng thường xanh mưa ẩm nhiệt đới nằm trong hệ đồi núi kéo dài từ vùng cao nguyên xuống và cũng là vùng ven của các hoạt động núi lửa trước đây, nằm trên địa phận của 2 xã Gia Canh, Phú Ngọc-huyện Định Quán-tỉnh Đồng Nai, cách Thành phố Hồ Chí Minh 111km + 500m (Km 44 + 500m-QL 20), trong tọa độ địa lý 107°20'-107°27'30'' kinh độ Đông đến 11°2'32''-11°10'00 vĩ độ Bắc. Rừng phòng hộ Tân Phú với tổng diện tích là 13.862,2ha (Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, 2010). Theo thống kê của tổ chức Y tế thế giới trong tổng số 250.000 loài thực vật được tìm thấy thì đã có 35.000 loài thực vật được nghiên cứu sử dụng làm thuốc hoặc cung cấp các hoạt chất cho việc chế biến thuốc. Trong đó, Ấn Độ có khoảng 6000 loài, Trung Quốc 5000 loài, vùng nhiệt đới Châu Mỹ hơn 1900 loài thực vật có hoa (Farnsworth.N.R and Soejarto.D.D, 1985). Ở Việt Nam, số lượng thực vật được sử dụng làm thuốc khoảng 4700 loài và có thể lên tới 6000 loài (Võ Văn Chi, 2012). Hệ thực vật rừng phòng hộ Tân Phú rất phong phú với khoảng 300 loài. Trong đó, các loài cây cho gỗ từ nhỏ đến lớn khoảng 200 loài, các loài thực vật một lá mầm và dây leo, cây bụi, thảm thực vật khoảng 100 loài (Nguyễn Lâm Minh, 2012). Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu cụ thể về đa dạng thực vật làm thuốc tại đây. Vì vậy, việc xác định đa dạng cây thuốc tại rừng phòng hộ này là việc làm vô cùng quan trọng và hết sức cần thiết. Bài báo này, chúng tôi đưa ra một số kết quả nghiên cứu về đa dạng cây thuốc ở rừng phòng hộ Tân Phú để làm cơ sở cho công tác bảo tồn và phát triển bền vững thực vật bậc cao có mạch.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Tất cả các loài thực vật hiện có ở Rừng phòng hộ Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

+ Phương pháp nghiên cứu kế thừa tài liệu:

Kế thừa các nguồn tài liệu và các kết quả nghiên cứu đã được công bố.

+ Phương pháp điều tra cây thuốc

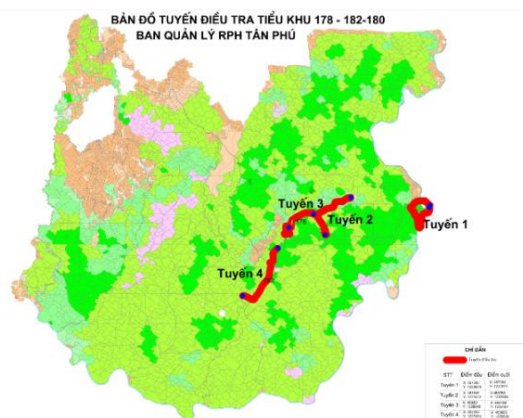
Điều tra thu thập mẫu vật theo các tuyến định sẵn sao cho có thể quan sát và thu thập đầy đủ nhất các loài thực vật hiện có ở khu vực nghiên cứu. Trên các tuyến thống kê và mô tả các loài thực vật có khả năng làm thuốc. Tiến hành chụp cây thuốc bằng máy ảnh kỹ thuật số. Cụ thể 4 tuyến điểm điều tra được chia ra như sau:

Tuyến 1: Khu vực Thác Mai đường Bách Thảo

Tuyến 2: Bàu nước sôi

Tuyến 3: Tiểu khu 86 cũ (tiểu khu 178 mới)

Tuyến 4: Trục đường chính từ suối Đá Bàn đến cầu Tư Đồng



Hình 1. Sơ đồ vị trí tuyến điểm thu mẫu

+ Phương pháp thu mẫu và xử lý mẫu: thu mẫu theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn trong cẩm nang nghiên cứu “Đa dạng sinh vật” (1996) và “hệ sinh thái rừng nhiệt đới” (2004) được tiến hành từ tháng 11 năm 2016 đến tháng 5 năm 2017, mẫu được lưu trữ tại phòng Thực vật, khoa Sinh học, Đại học Đồng Nai.

+ Phương pháp xác định tên khoa học:

Sử dụng phương pháp so sánh hình thái học vì đây là phương pháp kinh điển và phổ biến nhất trong việc xác định tên thực vật từ trước đến nay, phương pháp này tuy đơn giản nhưng về mặt khoa học vẫn cho những kết quả đáng tin cậy và phù hợp với điều kiện nghiên cứu về phân loại học thực vật ở Việt Nam.

Hiệu chỉnh tên chi và loài theo các tài liệu: cây có vị thuốc ở Việt Nam của Phạm Hoàng Hộ (2006), Danh lục các loài thực vật Việt Nam tập II của Nguyễn Tiến Bân (2005), Thực vật chí Việt Nam, Họ Trúc đào của Trần Đình Lý (2000), Tài nguyên cây gỗ Việt Nam của Trần Hợp (2002), Tài nguyên cây cảnh Việt Nam, tập 1 của Trần Hợp (2012), Danh lục cây thuốc Việt Nam của Viện Dược liệu (2016).

+ Phương pháp đánh giá đa dạng về dạng sống, giá trị sử dụng của các loài thực vật: Theo tài liệu Danh lục cây thuốc Việt Nam của Viện dược liệu (2016), Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam của Đỗ Tất Lợi (2009).

+ Phương pháp xác định những loài thực vật quý hiếm: Dựa vào tài liệu sách đỏ Việt Nam (2007), Phần Thực vật và IUCN (2011).

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đa dạng thành phần loài thực vật làm thuốc

Qua kết quả điều tra bước đầu, chúng tôi đã ghi nhận được hệ thực vật được sử dụng làm thuốc tại rừng phòng hộ Tân Phú, tỉnh Đồng

Nai có 368 loài, 262 chi và 89 họ của 4 ngành thực vật bậc cao có mạch (Bảng 1). Điều này cho thấy các loài thực vật làm thuốc ở đây rất đa dạng và phong phú. Tuy nhiên sự phân bố các taxon trong các ngành lại không có sự đồng đều. Trong đó, ngành Hạt kín Magnoliophyta chiếm ưu thế nhất với 353 loài (95,92%) thuộc 252 chi (96,18%) của 82 họ (92,13%). Tiếp đến là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) có 12 loài (3,23%) thuộc 8 chi (3,08%) của 5 họ (5,62%). Thấp nhất là ngành Thông đất (Lycopodiophyta) với 2 loài (0,54%), 1 chi (0,38%), 1 họ (1,12%) và ngành Hạt trần (Pinophyta) có 1 loài (0,27%), 1 chi (0,38%), 1 họ (1,12%).

3.2. Đa dạng về bậc họ

Trong tất cả các họ thực vật được làm thuốc tại khu vực nghiên cứu thì họ có số lượng nhiều nhất là họ Đậu (Fabaceae), có 32 loài (8,70%), họ Cà phê (Rubiaceae), có 25 loài (6,75%), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), có 23 loài (6,25%), họ Na (Annonaceae), họ Dâu tằm (Moraceae), họ Hòa thảo (Poaceae), mỗi họ 13 loài (3,53%). Các họ còn lại có số lượng loài từ 1 loài đến 10 loài.

3.3. Đa dạng về bậc chi

Chi có số lượng loài nhiều nhất là chi Sung (Ficus) với 10 loài (2,72%), kế đến là chi Bình linh (Vitex), có 6 loài (1,63%), chi Bứa (Garcinia) và chi Bù dẻ (Uvaria), mỗi chi có 5 loài (1,36%). Các chi còn lại có số lượng loài từ 1 loài đến 4 loài.

Bảng 1. Phân bố đa dạng ngành cây thuốc trong các taxon ở RPH Tân Phú.

STT	Ngành	Họ		Chi		Loài	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Ngành thông đất (Lycopodiophyta)	1	1,12	1	0,38	2	0,54
2	Polypodiophyta (Ngành Dương xỉ)	5	5,62	8	3,08	12	3,23
3	Pinophyta (Ngành Hạt trần)	1	1,12	1	0,38	1	0,27
4	Magnoliophyta (Ngành hạt kín)	82	92,13	252	96,18	353	95,92
	Tổng cộng	89	100	262	100	366	100

3.4. Đa dạng về dạng thân

Kết quả nghiên cứu cho thấy, thực vật tại khu vực nghiên cứu là các cây thân gỗ, thân bụi, thân thảo và thân leo. Trong đó, cây thân gỗ nhỏ, thân bụi và thân thảo chiếm tỷ lệ cao hơn cả, với tỷ lệ lần lượt là 27,45%, 22,01% và 21,20% tổng số loài trong khu vực nghiên cứu.

Thân gỗ nhỏ tập trung trong các họ như họ Xoài (Anacardiaceae), họ Na (Annonaceae), họ Trúc đào (Apocynaceae), họ Nhựa ruồi (Aquifoliaceae), họ Núc nác (Bignoniaceae), họ Gạo (Bombacaceae), họ Bạch hoa (Capparaceae), họ Dây gối (Celastraceae), họ Bứa (Clusiaceae), họ Bàng (Combretaceae), họ A tràng (Dichapetalaceae), họ Sô (Dilleniaceae), họ Thị (Ebenaceae), họ Côm (Elaeocarpaceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Mùng quân (Flacourtiaceae), họ Thu đào (Icacinaceae), họ Long não (Lauraceae), họ Dâu tằm (Moraceae), họ Sim (Myrtaceae), họ Cà phê (Rubiaceae).

Thân cây bụi gồm các cây thường sống dưới tán rừng, tập trung chủ yếu các họ như: họ Đom nem (Myrsinaceae), họ Mua (Melastomataceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Cau (Arecaceae), họ Ngũ gia bì (Araliaceae), họ Na (Annonaceae), họ Hoàng mai (Ochnaceae), họ Cà phê (Rubiaceae).

Cây thân thảo làm thuốc, có phạm vi phân bố khá rộng, đặc biệt chúng thường tập trung ở rừng thưa nơi đã có nhiều tác động của con người. Một số họ có nhiều loài cây thuốc thuộc nhóm này như: họ gừng (Zingiberaceae), họ Hoa mồm chó (Scrophulariaceae), họ Hòa thảo (Scrophulariaceae), họ Bông (Malvaceae), họ Bạc hà (Lamiaceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Cói (Cyperaceae), họ Thài lài (Commelinaceae), họ Vòi voi (Boraginaceae), họ Cúc (Asteraceae), họ Rau dền (Amaranthaceae).

Cây thân cây gỗ lớn (13,86%) tập trung ở một số họ như: họ Trám (Burseraceae), họ Cám (Chrysobalanaceae), họ Dầu (Dipterocarpaceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Hà nộ (Ixonanthaceae), họ Lộc vừng (Lecythidaceae), họ Tử vi

(Lythraceae), họ Dâu tằm (Moraceae),... và thân dây leo (11,4%), chủ yếu thuộc họ Nho (Vitaceae), họ Cà phê (Rubiaceae), họ Táo (Rhamnaceae), họ Nhãn lồng (Passifloraceae), họ Mây nước (Flagellariaceae), họ Củ nâu (Dioscoreaceae), họ Sô (Dilleniaceae), họ Bầu bí (Cucurbitaceae), họ Lốp bóp (Connaraceae), họ Ráy (Araceae), họ Bông bong (Schizeaceae).

Nhóm phụ sinh có chiếm tỷ lệ thấp nhất (4,35%), thường tập trung ở số ít họ thực vật như họ Ráng đa túc (Polypodiaceae), họ Thiên lý (Asclepiadaceae), họ Tầm gửi (Loranthaceae), họ Lan (Orchidaceae). Từ kết quả đó góp phần định hướng cho việc khai thác, và sử dụng cây thuốc đạt hiệu quả.

Bảng 2. Các dạng thân của thực vật làm thuốc ở RPH Tân Phú

TT	Dạng thân	Số loài	Tỷ lệ %
1	Cây gỗ nhỏ (GN)	101	27,45
2	Cây bụi (B)	81	22,01
3	Thân thảo (C)	78	21,20
4	Cây gỗ lớn (GL)	51	13,86
5	Dây leo (DL)	41	11,14
6	Phụ sinh (PS)	16	4,35
	Tổng cộng	368	100

3.5. Đa dạng trong các bộ phận sử dụng

Theo kinh nghiệm sử dụng cây thuốc trong dân gian và thực tiễn nghiên cứu cho thấy, ở mỗi loài cây thuốc khác nhau có thể sử dụng toàn cây hoặc một bộ phận của cây, mỗi bộ phận có một tác dụng chữa bệnh khác nhau (Bảng 3).

Bảng 3. Đa dạng các bộ phận của cây được sử dụng làm thuốc

TT	Bộ phận dùng làm thuốc	Số loài cây thuốc	
		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Toàn cây	88	23,91
2	Lá	156	42,39
3	Rễ-Vỏ rễ	153	41,6
4	Thân-vỏ thân	153	41,6
5	Hoa	23	6,25
6	Quả-Hạt	78	21,20
7	Bộ phận khác (tinh dầu, nhựa,...)	53	14,40

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, bộ phận được sử dụng nhiều nhất là lá với 156 loài (chiếm 42,39% so với tổng số loài điều tra) vì đây là bộ phận dễ thu hái, tiếp đến là loài sử dụng thân-vỏ thân và rễ vỏ rễ làm thuốc có số lượng bằng nhau là 153 loài (chiếm 41,6%), có 88 loài (chiếm 23,91%) sử dụng toàn bộ cây làm thuốc, loài chỉ sử dụng quả-hạt làm thuốc có 78 loài (chiếm 21,20%), loài sử dụng bộ phận khác như tinh dầu, nhựa mủ làm thuốc có 53 loài (chiếm 14,4%) và sử dụng hoa làm thuốc chiếm tỷ lệ thấp nhất 6,25% với 23 loài.

3.6. Đa dạng về phương thức sử dụng

Dựa theo kinh nghiệm dân gian và theo các tài liệu đã công bố của Đỗ Tất Lợi (2009), Võ Văn Chi (2012), Bộ Y tế (2013), cho thấy cây thuốc được sử dụng dưới phương thức sau: thứ 1 là nhóm dùng ngoài gồm nấu cao bôi, nấu nước tắm hoặc gội hoặc rửa, ngâm rượu xoa bóp, xông hơi và giã đắp, thứ 2 là dùng uống gồm ngâm rượu uống, giã uống, hãm chè (trà) uống và sắc uống. Kết quả điều tra và thống kê được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Các phương thức sử dụng làm thuốc

Phương thức sử dụng	Phương thức chế biến	Số loài	Tỷ lệ %
Dùng ngoài	Nấu cao bôi	16	4,3
	Xông hơi	12	3,3
	Ngâm rượu xoa bóp	5	1,36
	Nấu nước tắm, gội, rửa	91	24,73
Dùng uống	Giã đắp	168	45,70
	Ngâm rượu uống	20	5,44
	Giã uống	77	20,92
	Hãm chè (trà) uống	69	18,75
	Sắc uống	255	69,29

Ở phương thức dùng ngoài thì giã đắp có số lượng loài nhiều nhất với 168 loài (chiếm 45,70% tổng số loài tìm thấy ở khu vực nghiên cứu), kế đến là cây thuốc dùng để nấu nước tắm gội, rửa với 91 loài (chiếm 24,73% tổng số loài), nhóm cây thuốc để xoa ngoài da có 21 loài (16 loài nấu cao bôi chiếm 4,3% và 5 loài

ngâm rượu chiếm 1,36%), nhóm này chủ yếu có tác dụng chữa các bệnh nhưc mồi, đau lưng, vết bầm, nhóm xông hơi có 12 loài (chiếm 3,3%) nhóm này thường sử dụng lá, cành, rễ hay toàn cây để nấu nước xông nhằm chữa trị cảm mạo, nhưc đầu.

Đối với phương thức dùng uống thì sắc uống có số lượng loài nhiều nhất là 255 loài (chiếm 69,29% tổng số loài), đây là phương thuốc được sử dụng phổ biến nhất trong Y học cổ truyền, kế đến là giã uống, nhóm giã uống có 77 loài (chiếm 20,92% tổng số loài) thường thì lá hay cành non là đối tượng được thu hái để giã uống chữa ăn khó tiêu, ho hen, giải nhiệt, trị sởi, lợi kinh, tiếp theo là hãm chè (Trà) uống có 69 loài (chiếm 18,75% tổng số loài), nhóm ngâm rượu uống có 20 loài (chiếm 5,44%), nhóm này thông thường người dân thường thu hái rễ, củ, quả hay hạt của cây thuốc về rửa sạch, phơi khô sau đó ngâm với rượu để uống trị nhưc mồi, đau bụng, đau lưng, ăn không tiêu.

3.7. Đa dạng về các nhóm bệnh

Theo các tài liệu đã công bố của Võ Văn Chi (2012) và Viện Dược liệu (2016) chúng tôi đã phân loại công dụng của tài nguyên cây thuốc tại RPH Tân Phú được chia thành 19 nhóm chính sau (bảng 5): Cây thuốc dùng chữa mụn nhọt, mẩn ngứa, sưng viêm có số lượng loài nhiều nhất với 156 loài (chiếm 42,39% so với tổng số loài tìm thấy ở khu vực nghiên cứu), tiếp đến là cây thuốc dùng chữa cảm sốt với 114 loài (chiếm 31%), nhóm dùng trị lỵ, ỉa chảy với 108 loài (chiếm 29,3%) nhóm dùng chữa tê thấp, đau nhức với 106 loài (chiếm 29,0%) nhóm chữa bệnh ở bộ máy tiêu hóa với 104 loài (chiếm 28,26%), nhóm cây thuốc dùng chữa bệnh về gan và thông tiểu có 95 loài (chiếm 25,82%), nhóm cây thuốc dùng chữa bệnh phụ nữ có 91 loài (chiếm 24,73%), nhóm có số lượng loài ít nhất là nhóm cây chữa bệnh về đường với 7 loài (chiếm 1,99%).

Bảng 5. Đa dạng các nhóm bệnh được chữa trị bằng cây thuốc

TT	Nhóm công dụng của cây thuốc	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Cây thuốc dùng an thần, dễ ngủ, trấn kinh	47	12,77
2	Cây thuốc dùng bồi dưỡng cơ thể	51	14,0
3	Cây thuốc dùng chữa bệnh tim	12	3,26
4	Cây thuốc có chất độc	13	3,53
5	Cây thuốc dùng chữa cầm máu	22	5,98
6	Cây thuốc dùng chữa cầm sốt	114	31,0
7	Cây thuốc dùng chữa đái đường	7	1,90
8	Cây thuốc dùng trị giun sán	27	7,34
9	Cây thuốc dùng chữa hạ huyết áp	13	3,53
10	Cây thuốc dùng chữa ho, hen	85	23,1
11	Cây thuốc chống siêu khuẩn, trị ung thư	16	4,95
12	Cây thuốc dùng trị lỵ, ỉa chảy	108	29,3
13	Cây thuốc dùng chữa bệnh mắt, tai, mũi, răng, họng	98	26,63
14	Cây thuốc dùng chữa mụn nhọt, mẩn ngứa, sưng viêm	156	42,39
15	Cây thuốc dùng chữa bệnh phụ nữ	91	24,73
16	Cây thuốc dùng chữa bệnh ở bộ máy tiêu hóa	104	28,26
17	Cây thuốc dùng chữa bệnh về gan và thông tiểu	95	25,82
18	Cây thuốc dùng chữa tê thấp, đau nhức	106	29,0
19	Cây thuốc dùng đắp vết thương, rấn rết cắn	81	22

3.8. Những cây thuốc quý cần bảo tồn

Dựa vào sách đỏ Việt Nam 2007 (Phần Thực vật) (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007) và IUCN (2011) chúng tôi đã thống kê được

RPH Tân Phú có 10 loài cây thuốc cần được ưu tiên bảo vệ chiếm 2,72% trong tổng số 368 loài được tìm thấy ở khu vực nghiên cứu. (bảng 6).

Bảng 6. Các loài cây thuốc cần được bảo tồn của RPH Tân Phú

TT	Tên khoa học	Tên tiếng Việt
1	<i>Calophyllum inophyllum</i> L.	Mù u
2	<i>Cratoxylum formosum</i> (Jacq.) Benth. & Hook.f. ex Dyer	Thành ngạnh đẹp
3	<i>Drynaria bonii</i> Christ	Cốt toái bổ
4	<i>Elaeocarpus hygrophylus</i> Kurz	Cà na, Côm háo ẩm
5	<i>Hopea odorata</i> Roxb.	Sao đen
6	<i>Irvingia malayana</i> Oliv. ex A.W.Benn.	Cày
7	<i>Knema globularia</i> (Lam.) Warb.	Máu chó cầu
8	<i>Sagentodoxa cuneata</i> (Oliv) Rehd. et wils	Huyết rồng
9	<i>Shorea roxburgii</i> G.Don	Sến mù
10	<i>Sindora siamensis</i> Miq	Gỗ mật

IV. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đa dạng tài nguyên cây thuốc rừng phòng hộ Tân Phú, Đồng Nai bước đầu đã xác định được 368 loài, 262 chi và 89 họ có khả năng làm thuốc; trong đó ngành Thực vật hạt kín (Magnoliophyta) chiếm ưu thế với 353 loài, 252 chi, 82 họ, ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) có 12 loài, 8 chi, 5 họ, ngành Thông đất (Lycopodiophyta) 2 loài, 1 chi, 1 họ và ngành Hạt trần (Pinophyta) có 1 loài, 1 chi, 1 họ.

Trong các dạng thân thì thân gỗ nhỏ chiếm tỷ lệ cao nhất với 101 loài, thân bụi với 81 loài, thân thảo với 78 loài, thân gỗ lớn có 51 loài, thân dây leo có 41 loài, thấp nhất là thân phụ sinh với 16 loài.

Bộ phận sử dụng nhiều nhất là lá với 156 loài, tiếp đến là thân-vỏ thân và rễ-vỏ rễ với mỗi loại là 153 loài, toàn cây là 88 loài, quả-hạt với 78 loài, tinh dầu, mù... là 53 loài, và thấp nhất là hoa với 23 loài.

Có 19 nhóm bệnh khác nhau được dùng để chữa trị, trong đó nhóm bệnh chữa mụn nhọt, mẩn ngứa, sưng viêm với 156 loài, chữa cảm sốt với 114 loài, chữa bệnh trĩ, ỉa chảy với 108 loài, chữa tê thấp, đau nhức với 106 loài, bệnh ở bộ máy tiêu hóa với 104 loài, dùng chữa bệnh về gan và thông tiểu có 95 loài, dùng chữa bệnh phụ nữ có 91 loài và thấp nhất là chữa bệnh về đường với 7 loài.

Phương thức sử dụng khi dùng ngoài thì giã đắp có số lượng loài nhiều nhất với 168 loài, dùng để nấu nước tắm gội, rửa với 91 loài, để xoa ngoài da có 21 loài, xông hơi có 12 loài; Đối với phương thức dùng uống thì sắc uống có số lượng loài nhiều nhất là 255 loài, giã uống, có 77 loài, hãm chè (Trà) uống có 69 loài, ngâm rượu uống có 20 loài.

Tại khu vực nghiên cứu chúng tôi xác định được 10 loài cây thuốc có nguy cơ bị tuyệt chủng được ghi trong Sách đỏ Việt Nam (2007).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, 2010. Lịch sử hình thành và phát triển rừng phòng hộ Tân Phú, Đồng Nai.
2. Farnsworth. N. R and Soejarto.D.D, 1985. Medicinal plants in therapy. Bull World Health Organ. 63(6): 965 - 981
3. Võ Văn Chi, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, NXB Y học.
4. Nguyễn Lâm Minh, 2012. “Nghiên cứu đặc điểm lâm học rừng kín ẩm thường xanh ẩm nhiệt đới tại rừng Phòng hộ Tân Phú-Đồng Nai”, Tạp chí khoa học Lâm nghiệp, số 2, tr. 2227 - 2234
5. Nguyễn Nghĩa Thìn, 1996. Cẩm nang đa dạng sinh vật. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
6. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2004. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới. Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
7. Phạm Hoàng Hộ, 2006. Cây có vị thuốc ở Việt Nam. Nxb Trẻ TP. Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Tiến Bản, 2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam tập II. Nxb Nông Nghiệp, Hà Nội.
9. Trần Đình Lý, 2000. Thực vật chí Việt Nam, Họ Trúc Đào, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
10. Trần Hợp, 2002. Tài nguyên cây gỗ Việt Nam. NXB Nông Nghiệp, Hà Nội.
11. Trần Hợp, 2012. Tài nguyên cây cảnh Việt Nam, tập 1. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
12. Viện dược liệu, 2016. Danh lục cây thuốc Việt Nam. Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
13. Đỗ Tất Lợi, 2009. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
14. Bộ khoa học và công nghệ, Viện khoa học và công nghệ Việt Nam, 2007. Sách đỏ Việt Nam (phần II. Thực vật). Nxb Khoa học tự nhiên và công nghệ.
15. IUCN, 2011. IUCN RED List of Threatened Species. Version 2011.3. International Union for Conservation of Nature.
16. Bộ y tế, 2013. Thông tư ban hành Danh mục thuốc thiết yếu, thuốc đông y và thuốc từ dược liệu lần IV, Số 40/2013/TT-BYT.

Email của tác giả chính: nguyenthingoclinhktnn@yahoo.com

Ngày nhận bài: 23/11/2017

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 23/03/2018

Ngày duyệt đăng: 25/03/2018